

ĐỀ CƯƠNG GIỚI THIỆU, PHỔ BIẾN
LUẬT KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO
(Tài liệu dành cho Báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh
và Tuyên truyền viên cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên)

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 27/6/2025 (*Luật số 93/2025/QH15*). Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2025 (trong đó, các điều 15, 61, 62, 63, 64, 65 và 66 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025).

PHẦN I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT SỐ 93/2025/QH15

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị

Trong thời gian gần đây, Đảng, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản, trong đó đề ra nhiều nhiệm vụ, giải pháp tập trung vào đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính trong quản lý nhà nước; đơn giản hóa quy trình, thủ tục, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao tính minh bạch, đạo đức và liêm chính trong hoạt động khoa học và công nghệ; thu hút đầu tư từ xã hội để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao hiệu quả, tính tự chủ cho các tổ chức sự nghiệp công lập trong lĩnh vực khoa học và công nghệ; phát triển đội ngũ trí thức cần được thể chế hóa đầy đủ vào nội dung Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cụ thể như sau:

a) Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ XIII của Đảng có nhiều nội dung quan trọng mang tính định hướng phát triển đất nước dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Về quan điểm chỉ đạo: “*Có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển nhanh và bền vững*”.

- Về nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII: “*Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thực hiện chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững*”.

b) Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030 đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: *“Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế để phát triển nền khoa học Việt Nam; phát triển mạnh khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thúc đẩy phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số. Có cơ chế, chính sách kinh tế, tài chính khuyến khích các doanh nghiệp tham gia nghiên cứu phát triển và đổi mới công nghệ. Cho phép thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách mới, thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới.”*

c) Ngày 22/12/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với nhiều nhiệm vụ, giải pháp có tính cách mạng để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cụ thể:

(1) Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

(2) Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

(3) Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

(4) Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh;

(5) Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp;

(6) Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Các nhiệm vụ, giải pháp mang tính đột phá tại Nghị quyết số 57-NQ/TW cần phải được thể chế hóa kịp thời trong nội dung Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

1.2. Cơ sở pháp lý

a) Tại Điều 62 Hiến pháp 2013 quy định:

“1. Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2. Nhà nước ưu tiên đầu tư và khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng có hiệu quả thành tựu khoa học và công nghệ; bảo đảm quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ; bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ.

3. Nhà nước tạo điều kiện để mọi người tham gia và được thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động khoa học và công nghệ.”

b) Sau khi Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 28/2018/QH14 và Luật số 07/2022/QH15 (sau đây viết tắt là Luật số 29/2013/QH13) được ban hành, đã tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hiện hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ trong hơn 10 năm qua, góp phần bảo đảm quốc phòng - an ninh và phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, sau khi Luật số 29/2013/QH13 có hiệu lực, đã có nhiều đạo luật chuyên ngành lần lượt ra đời và điều chỉnh các giai đoạn khác nhau trong chu trình nghiên cứu, phát triển và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, trong đó, nhiều quy định chưa phù hợp với thực tiễn của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế, cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với tính chất là khâu đột phá phát triển đất nước trong giai đoạn phát triển mới.

c) Nghị quyết số 100/2013/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về hoạt động chất vấn kỳ họp thứ 5 Quốc hội khóa XV đã giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ thực hiện nhiệm vụ: *“Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng bộ các chính sách, pháp luật của Nhà nước để thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo... Rà soát, sửa đổi, tháo gỡ các rào cản trong chính sách, pháp luật về kinh tế, tài chính, đầu tư, đấu thầu với pháp luật khoa học và công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công...) theo hướng phù hợp với cơ chế thị trường, tôn trọng đặc thù của lao động sáng tạo, chấp nhận rủi ro, độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế, bảo đảm công khai, minh bạch.”*

d) Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã quy định thí điểm một số cơ chế, chính sách tháo gỡ chi tiêu tài chính từ ngân sách nhà nước, hoạt động của tổ chức và nhân lực trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập, thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và hoạt động khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp, công nghệ chiến lược; cơ chế, chính sách đặc thù về đầu tư, đấu thầu, tài chính và thử nghiệm có kiểm soát cho chuyển đổi số quốc gia, phát triển hạ tầng số, công nghiệp công nghệ số chiến lược để tháo gỡ vướng mắc tạo cơ chế, chính sách vượt trội trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Các chính sách nêu trên nhằm giải quyết những vướng mắc đã rõ, có thể thi hành được ngay. Tuy nhiên, còn nhiều nội dung cần tiếp tục nghiên cứu, thể chế đầy đủ và có hệ thống trong Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

1.3. Quán triệt chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ về đổi mới mạnh mẽ công tác lập pháp, trong đó chuyển

đổi tư duy xây dựng pháp luật theo hướng vừa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển, tư duy quản lý không cứng nhắc, dứt khoát từ bỏ tư duy không quản được thì cấm. Các quy định của pháp luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài. Luật chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc, không cần quá dài. Những vấn đề thực tiễn biến động thường xuyên thì giao cho Chính phủ, địa phương quy định để đảm bảo linh hoạt trong điều hành. Tuyệt đối không hành chính hóa hoạt động của Quốc hội, luật hóa các quy định của nghị định và thông tư.

Để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, định hướng của Quốc hội và chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch Nước và Thủ tướng Chính phủ về hoàn thiện thể chế, việc đề xuất xây dựng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là rất cần thiết.

2. Cơ sở thực tiễn

Trong hơn 10 năm qua, Luật số 29/2013/QH13 đã phát huy vai trò quan trọng trong việc tạo hành lang pháp lý cơ bản và quan trọng cho việc tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ tổ chức, cơ chế quản lý, cơ chế hoạt động khoa học và công nghệ. Trên cơ sở đó, khoa học và công nghệ đã có những bước tiến tích cực, đóng góp thiết thực cho phát triển kinh tế - xã hội và được minh chứng qua nhiều kết quả nổi bật: theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index 2024 - GII) năm 2024 của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới (WIPO), Việt Nam được xếp hạng 44/133 quốc gia, nền kinh tế, tăng 2 bậc so với năm 2023 (năm 2022, Việt Nam đứng thứ 48). Năm 2024, Việt Nam có 03 chỉ số đứng đầu thế giới là chỉ số Nhập khẩu công nghệ cao, Xuất khẩu công nghệ cao và Xuất khẩu hàng hóa sáng tạo (tính trên tổng giao dịch thương mại).

Tuy nhiên, quá trình triển khai thi hành Luật số 29/2013/QH13 cho thấy pháp luật hiện hành còn có những nội dung chưa phù hợp với yêu cầu, đòi hỏi từ thực tiễn để phát triển khoa học, công nghệ, phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể là:

Thứ nhất, các quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn, chưa đồng bộ và được xác định là một trong những rào cản để thực hiện mục tiêu đưa khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thành động lực chính phát triển kinh tế - xã hội; pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cũng chưa quy định được đầy đủ cơ chế để thực sự thu hút, đào tạo, phát triển được nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ chế thu hút, đãi ngộ nhân tài cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, các làn sóng công nghệ mới phát triển nhanh chóng, mạnh mẽ, đặc biệt là làn sóng của Cách mạng công nghệ 4.0 mà trong đó chuyển đổi số là cốt lõi đòi hỏi các quy định của pháp luật khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tiễn.

Thứ ba, khi xây dựng Luật số 29/2013/QH13, các chủ thể tham gia hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu đến từ khu vực viện nghiên cứu, trường đại học công lập. Hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ, thương

mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ, nhất là trong các đơn vị sản xuất, kinh doanh tuy đã được quan tâm nhưng chưa trở thành xu thế phổ biến. Trong bối cảnh hiện nay, để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự tác động đến tăng trưởng kinh tế thì việc xác định doanh nghiệp là chủ thể quan trọng nhất trong hoạt động ứng dụng, chuyển giao, đổi mới, sáng tạo công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo là vấn đề căn bản nhất cần được thể chế hóa trong Luật để xoay trục các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm.

Trên cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn trong quá trình thực thi Luật số 29/2013/QH13, việc ban hành Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để thay thế Luật số 29/2013/QH13 là cần thiết để khắc phục những hạn chế, chồng chéo của hệ thống pháp luật hiện hành; đơn giản hóa thủ tục, mở rộng quyền tự chủ cho tổ chức KHCN, nhà khoa học; chuyển mạnh từ cơ chế “tiền kiểm” sang “hậu kiểm”, tạo môi trường linh hoạt, thông thoáng, khuyến khích sáng tạo; hoàn thiện thể chế tạo thuận lợi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia có điều kiện phát triển nhất là những nhiệm vụ đột phá được nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG LUẬT SỐ 93/2025/QH15

1. Mục đích

- Hoàn thiện quy định pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, phù hợp với quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng;
- Luật hóa định hướng chủ trương, chính sách của Nghị quyết số 100/2013/QH15; Nghị quyết số 57-NQ/TW; Nghị quyết số 193/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân và sự phát triển của nhân loại.

2. Quan điểm chỉ đạo

- Thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa đất nước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

- Kế thừa các quy định của Luật số 29/2013/QH13 còn phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, phù hợp với thực tiễn phát triển khoa học, công nghệ của Việt Nam và thông lệ quốc tế.

- Mở rộng phạm vi, đối tượng điều chỉnh của Luật sang khu vực ngoài công lập để thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, trong đó doanh nghiệp làm trung tâm, các đại học và viện nghiên cứu là các chủ thể hỗ trợ cùng hướng tới mục tiêu hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng.

- Chính thức hóa những cơ chế tháo gỡ điểm nghẽn trong Nghị quyết số 193/2025/QH15 để đưa thành quy định ổn định, lâu dài trong luật.

- Bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tính tương thích với cam kết quốc tế có liên quan; xác định rõ nội dung, nguyên tắc áp dụng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bảo đảm không chồng chéo, mâu thuẫn giữa Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các luật khác có liên quan.

PHẦN II. GIỚI THIỆU VĂN BẢN

I. Bộ cục

Luật số 93/2025/QH15 bao gồm 07 Chương và 73 điều, cụ thể như sau:

Chương I. Những quy định chung

Gồm 14 điều (từ Điều 1 đến Điều 14), quy định về: Phạm vi điều chỉnh; đối tượng áp dụng; giải thích từ ngữ; áp dụng Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nguyên tắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; định hướng chiến lược và chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam; liên chính khoa học, đạo đức nghề nghiệp trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; chấp nhận rủi ro trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; trách nhiệm phổ biến, lan tỏa tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; khuyến khích sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và truyền thông, phổ biến tri thức khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Tạp chí khoa học; trách nhiệm quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các hành vi bị nghiêm cấm

Chương II. Biện pháp quản lý của nhà nước trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Gồm 3 mục với 14 điều (từ Điều 15 đến Điều 28), trong đó:

- Mục 1. Chiến lược, kế hoạch, nhiệm vụ và chương trình, gồm 06 điều (từ Điều 15 đến Điều 20).

- Mục 2. Thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới, gồm 03 điều (từ Điều 21 đến Điều 23).

- Mục 3. Xử lý tài sản, quản lý và thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 05 điều (từ Điều 24 đến Điều 28).

Chương III. Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ

Gồm 5 điều (từ Điều 29 đến Điều 33) quy định về: Nghiên cứu khoa học; phát triển công nghệ; cơ chế đặc biệt trong giải mã công nghệ, mua bí quyết

công nghệ; thúc đẩy hợp tác, chia sẻ trong nghiên cứu khoa học; ứng dụng khoa học và công nghệ trong dự án đầu tư, chương trình phát triển kinh tế - xã hội

Chương IV. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và nền kinh tế

Gồm 08 điều (từ Điều 34 đến Điều 41) quy định về: Thúc đẩy phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo lấy doanh nghiệp làm trung tâm; Khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghệ chiến lược; Bảo đảm quyền và cơ chế hỗ trợ đối với tổ chức ngoài công lập trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo; Doanh nghiệp khoa học và công nghệ; Quỹ đầu tư mạo hiểm quốc gia và quỹ đầu tư mạo hiểm của địa phương; Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán chuyên biệt cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Chương V. Xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Gồm 04 mục với 26 điều (từ Điều 42 đến Điều 67), trong đó:

- Mục 1. Tổ chức có hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 07 điều (từ Điều 42 đến Điều 48).
- Mục 2. Phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 10 điều (từ Điều 49 đến Điều 58).
- Mục 3. Hạ tầng cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 02 điều (từ Điều 59 đến Điều 60).
- Mục 4. Tài chính cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, gồm 07 điều (từ Điều 61 đến Điều 67).

Chương VI. Hội nhập và hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Gồm 03 điều (từ Điều 68 đến Điều 70) quy định về: Nguyên tắc hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Hoạt động hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; Thúc đẩy hội nhập, hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Chương VII. Điều khoản thi hành

Gồm 03 điều (từ Điều 71 đến Điều 73) quy định về: Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của các luật, nghị quyết có liên quan; Hiệu lực thi hành; Quy định chuyển tiếp.

II. Những nội dung mới, nổi bật của Luật số 93/2025/QH15

1. Về phạm vi điều chỉnh

Luật đã mở rộng phạm vi điều chỉnh Luật đối với hoạt động tạo ra sản phẩm mới, dịch vụ mới, quy trình mới, mô hình kinh doanh mới hoặc cải tiến đáng kể so với sản phẩm, dịch vụ, quy trình, mô hình kinh doanh đã có (*được gọi chung là đổi mới sáng tạo*).

2. Theo quy định Luật số 29/2013/QH13 thì đối tượng áp dụng gồm: Tổ chức, cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, tại Điều 2 Luật số 93/2025/QH15 đã mở rộng đối tượng là cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam nhưng có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Bổ sung thêm nhiều định nghĩa

Tại Điều 3. Giải thích từ ngữ có 21 khoản trong đó đã sửa đổi, bổ sung nhiều định nghĩa mới như: Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát triển giải pháp xã hội; hỗ trợ đổi mới sáng tạo; hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; Trung tâm nghiên cứu và phát triển; Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hệ thống đổi mới sáng tạo; ...cụ thể như:

3.1. Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo bao gồm:

- a) Nghiên cứu cơ bản;*
- b) Nghiên cứu ứng dụng;*
- c) Phát triển công nghệ; phát triển giải pháp xã hội;*
- d) Sản xuất thử nghiệm;*
- đ) Ứng dụng, chuyển giao công nghệ;*
- e) Đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ;*
- g) Khởi nghiệp sáng tạo;*
- h) Cung cấp dịch vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;*
- i) Hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo tri thức và hoạt động liên quan khác.*

3.2. Phát triển giải pháp xã hội là việc phát triển, triển khai sáng kiến hoặc giải pháp mới nhằm giải quyết hiệu quả và bền vững vấn đề xã hội, cộng đồng và môi trường góp phần tạo ra giá trị xã hội.

3.3. Hỗ trợ đổi mới sáng tạo là hoạt động cung cấp nguồn lực, dịch vụ cho đổi mới sáng tạo, bao gồm: sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng, hạ tầng kỹ thuật, không gian làm việc, pháp lý, thông tin thị trường, tài chính, thương mại, truyền thông, kết nối đầu tư và hỗ trợ cần thiết khác.

3.4. Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo là hoạt động quy định tại khoản 13 Điều này để cung cấp nguồn lực, dịch vụ cho khởi nghiệp sáng tạo.

....

4. Luật quy định cụ thể các nguyên tắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Tại Điều 5 của Luật đã quy định 05 nguyên tắc trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với công tác quản lý nhà nước thể hiện sự thay đổi mạnh mẽ tư duy quản lý từ kiểm soát quy trình và đầu vào, sang quản lý kết quả và hiệu quả đầu ra, chấp nhận rủi ro.

Trọng tâm quản lý nhà nước không còn là cách thức thực hiện, mà là kết quả nghiên cứu mang lại và tác động thực tiễn. Đồng thời có cơ chế cho việc thử nghiệm có kiểm soát, chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu. Hiệu quả tổng thể sẽ được đo lường, lấy kết quả làm căn cứ phân bổ nguồn lực. Cụ thể 5 nguyên tắc là:

“1. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn và dự báo xu hướng phát triển; phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; lấy con người làm trung tâm, tôn trọng quyền con người.

2. Nghiên cứu trong lĩnh vực y tế, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo và lĩnh vực khác liên quan trực tiếp đến con người phải bảo đảm tuân thủ quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan và bảo đảm việc phát triển, ứng dụng công nghệ luôn đặt dưới sự giám sát, kiểm soát của con người.

3. Bảo đảm quyền tự do nghiên cứu và sáng tạo; đề cao, tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu chuyên môn, tính trung thực, khách quan và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

4. Phát triển hệ thống tiêu chuẩn làm nền tảng thiết lập chuẩn mực trình độ công nghệ, định hướng nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ, tạo cơ sở cho việc ngăn chặn, loại bỏ công nghệ lạc hậu, công nghệ ảnh hưởng xấu đến kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, sức khỏe con người; hỗ trợ đăng ký, bảo hộ, quản lý, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo.

5. Nhà nước quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo chủ yếu theo nguyên tắc hậu kiểm, tập trung đánh giá kết quả thực hiện, không can thiệp vào phương pháp, quy trình thực hiện; bảo đảm quyền tự chủ và trách nhiệm giải trình của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Trường hợp cần thiết, được áp dụng nguyên tắc tiền kiểm nhưng bảo đảm không gây cản trở hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.”

5. Tại Điều 6 Luật 93/2025/QH15 đã xác lập định hướng chiến lược và chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo rõ ràng về việc chuyển từ một quốc gia chủ yếu sử dụng công nghệ sang làm chủ các công nghệ chiến lược. Các công nghệ này có tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế và an ninh quốc gia. Ngân sách nhà nước đầu tư sẽ có trọng tâm, ưu tiên cho các nhiệm vụ làm chủ công nghệ chiến lược, thay vì dàn trải, chung chung như giai đoạn trước đây.

Việc này sẽ được giao cho các doanh nghiệp, tổ chức nghiên cứu có năng lực và uy tín thực hiện “*xác định doanh nghiệp là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo*”. Quy định chính sách đầu tư phát triển cơ sở giáo dục đại học

thành các trung tâm nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo, từng bước hình thành các trung tâm nghiên cứu trình độ cao gắn với đào tạo nhân lực chất lượng cao.

6. Quy định “Ngày Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam”

Tại Điều 7, quy định ngày 18 tháng 5 hằng năm là ngày “**Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam**”.

7. Quy định cụ thể các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước

Tại khoản 1 Điều 16 Luật đã quy định các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước, gồm:

Một là, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do tổ chức, doanh nghiệp đề xuất theo định hướng ưu tiên hoặc yêu cầu cụ thể của Nhà nước để được xem xét tài trợ toàn bộ hoặc một phần kinh phí;

Hai là, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực hiện theo đặt hàng của Nhà nước do Nhà nước cấp toàn bộ hoặc một phần kinh phí cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện;

Ba là, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở do tổ chức khoa học và công nghệ công lập chủ động xây dựng, thực hiện từ nguồn kinh phí được giao theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 62 của Luật này (Chi hỗ trợ hoạt động thường xuyên của tổ chức khoa học và công nghệ công lập) hoặc nguồn kinh phí tự chủ khác.

8. Quy định rõ chính sách của Nhà nước đối với nghiên cứu lĩnh vực khoa học, lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn

Tại khoản 3 Điều 29 Luật đã quy định các chính sách của Nhà nước đối với việc nghiên cứu liên ngành; ưu tiên cấp kinh phí ngân sách nhà nước cho nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có nội dung liên ngành, kết hợp giữa khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật với khoa học xã hội và nhân văn, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ mới. Điều này nhằm đảm bảo các công nghệ phát triển gắn liền với giá trị đạo đức cốt lõi của nhân loại. Luật phân biệt rõ cách tiếp cận giữa nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tập trung nhiều hơn cho phát triển công nghệ để tạo tác động nhanh, đồng thời vẫn duy trì nền tảng nghiên cứu cơ bản.

9. Luật đã quy định riêng Chương IV. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp và nền kinh tế với nhiều chính sách nhằm khuyến khích, huy động nguồn lực từ doanh nghiệp tham gia vào các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp được trích lập nhiều hơn cho Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của mình, được chi cho các hoạt động đầu tư vào khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, được tính chi phí khấu trừ thuế (kể cả các dự án khởi nghiệp sáng tạo và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo).

10. Luật đã Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều, khoản của 08 luật, 01 nghị quyết để tạo thuận lợi cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng

tạo, bao gồm: Luật Công nghệ cao, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Đất đai, Luật Báo chí, Luật Xây dựng, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Nhà ở và Nghị quyết số 193/2025/QH15 để bảo đảm các quy định của Luật số 93/2025/QH15 được triển khai thuận lợi trong thực tiễn và tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

PHẦN III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ra đời là đòn bẩy chiến lược để hiện thực hóa mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong kỷ nguyên mới.

Để triển khai Luật đảm bảo hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tiễn, trong thời gian tới trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng và ban hành Kế hoạch thi hành Luật; tổ chức xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật; tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân./.